

Số: *24* /2019/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 18 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và mức chi hỗ trợ kinh phí
cho các hoạt động khuyến công tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công và Thông tư số 20/2017/TT-BCT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công thương;

Căn cứ Thông tư số 36/2013/TT-BCT quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 03 năm 2018 của Bộ Tài chính Hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và mức chi hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động khuyến công tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2019 và thay thế Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công và quy định mức hỗ trợ các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VP: các PCVP, CV (Vịnh);
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH (HT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh
Hoàng Xuân Ánh

QUY CHẾ

Quản lý và mức chi hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động khuyến công tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 24 /2019/QĐ-UBND, ngày 18 /4/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và quy định mức chi hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động khuyến công trên địa bàn tỉnh Cao Bằng theo quy định tại Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công (Sau đây gọi là Nghị định số 45/2012/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn các huyện, thành phố bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn).

2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn.

3. Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công

1. Kinh phí khuyến công địa phương đảm bảo chi cho những hoạt động khuyến công do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý và tổ chức thực hiện đối với hoạt động khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn có ý nghĩa trong tỉnh, phù hợp với chiến lược, quy hoạch của tỉnh.

2. Đề án, nhiệm vụ khuyến công địa phương thực hiện theo phương thức xét chọn, do Sở Công thương tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Ngành, nghề được hỗ trợ kinh phí khuyến công

1. Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản và chế biến thực phẩm.

2. Sản xuất hàng công nghiệp phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, hàng thay thế hàng nhập khẩu.

3. Công nghiệp hóa chất phục vụ nông nghiệp, nông thôn. Sản xuất vật liệu xây dựng.

4. Sản xuất sản phẩm, phụ tùng; lắp ráp và sửa chữa máy móc, thiết bị, dụng cụ cơ khí, điện, điện tử - tin học. Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và công nghiệp hỗ trợ.

5. Sản xuất hàng tiêu thủ công nghiệp.

6. Khai thác, chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật.

7. Áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn.

Điều 5. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công

Các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí khuyến công phải đảm bảo các điều kiện như sau:

1. Nội dung nhiệm vụ, đề án phù hợp với nội dung quy định tại Điều 4 và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 5 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

2. Nhiệm vụ, đề án khuyến công địa phương được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).

4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện hoặc thụ hưởng từ đề án khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước cho cùng một nội dung chi được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

5. Tổ chức dịch vụ khuyến công, tổ chức dịch vụ khác có kinh nghiệm, năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công (trừ các hoạt động do cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp thực hiện).

Chương II NGUỒN KINH PHÍ, NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI

Điều 6. Nguồn kinh phí đảm bảo cho hoạt động khuyến công

1. Ngân sách của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp hàng năm theo khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

2. Nguồn tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nội dung chi hoạt động khuyến công

Căn cứ nguồn lực tài chính địa phương dành cho hoạt động khuyến công hàng năm, lựa chọn các nội dung cần thiết chi cho hoạt động khuyến công sau:

1. Đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động; đào tạo thợ giỏi, nghệ nhân tiểu thủ công nghiệp để hình thành đội ngũ giảng viên phục vụ chương trình đào tạo nghề, nâng cao tay nghề, truyền nghề ở nông thôn.

2. Hỗ trợ hoạt động tư vấn, tập huấn, đào tạo, hội thảo, diễn đàn; tham quan, khảo sát học tập kinh nghiệm trong nước, ngoài nước để nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp và năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp; đào tạo khởi sự doanh nghiệp; thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn; mở rộng thị trường tiêu thụ, xuất khẩu sản phẩm công nghiệp nông thôn.

3. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; xây dựng các mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn; ứng dụng máy móc, thiết bị tiên tiến, dây chuyền công nghệ; chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

4. Tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu; tổ chức hội chợ, triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ; hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ, triển lãm. Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu; hỗ trợ đầu tư các phòng trưng bày để giới thiệu quảng bá sản phẩm (tại các Trung tâm Khuyến công, cơ sở công nghiệp nông thôn) và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

5. Hoạt động tư vấn: lập dự án đầu tư, marketing; quản lý sản xuất - tài chính - kế toán - nhân lực; thành lập doanh nghiệp; liên doanh; liên kết trong sản xuất kinh doanh; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ - thiết bị mới; hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiếp cận các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách đất đai, chính sách khoa học công nghệ, chính sách tài chính - tín dụng và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước.

6. Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin, ấn phẩm; xây dựng dữ liệu, trang thông tin điện tử; tờ rơi, tờ gấp và các hình thức thông tin đại chúng khác về phát triển công thương.

7. Hỗ trợ liên doanh liên kết, hợp tác kinh tế, phát triển các cụm công nghiệp và di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường

a) Hỗ trợ các cơ sở công nghiệp nông thôn thành lập các hiệp hội, hội ngành nghề; xây dựng các cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp.

b) Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết; xây dựng kết cấu hạ tầng; chỉ tổ chức hội nghị, hội thảo và diễn đàn để thu hút đầu tư phát triển cụm công nghiệp.

c) Hỗ trợ tư vấn, lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn gây ô nhiễm môi trường di dời vào các khu, cụm công nghiệp.

d) Hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cơ sở công nghiệp nông thôn.

8. Hợp tác quốc tế về khuyến công

a) Xây dựng các chương trình, đề án, dự án hợp tác quốc tế về hoạt động khuyến công và sản xuất sạch hơn.

b) Trao đổi, học tập kinh nghiệm về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, quản lý cụm công nghiệp, sản xuất sạch hơn với các tổ chức, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam thông qua hội nghị, hội thảo và diễn đàn.

c) Nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công theo các chương trình hợp tác quốc tế và các chương trình, đề án học tập khảo sát ngoài nước.

9. Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động khuyến công

a) Xây dựng chương trình, tài liệu và tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác khuyến công.

b) Tổ chức tham quan khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước; hội thảo chuyên đề, hội nghị đánh giá tổng kết về hoạt động khuyến công; xây dựng, duy trì và phổ biến các cơ sở dữ liệu và trang thông tin điện tử về khuyến công, sản xuất sạch hơn.

c) Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công tỉnh; thù lao cho cộng tác viên để duy trì mạng lưới cộng tác viên khuyến công.

d) Xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn và kế hoạch khuyến công hàng năm.

đ) Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, đề án khuyến công.

Điều 8. Mức chi cho hoạt động khuyến công

1. Chi hỗ trợ thành lập doanh nghiệp sản xuất công nghiệp nông thôn tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật, bao gồm: hoàn thiện kế hoạch kinh doanh; dự án thành lập doanh nghiệp và chi phí liên quan đến đăng ký thành lập doanh nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 8 triệu đồng/doanh nghiệp.

2. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật

a) Mô hình trình diễn để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, bao gồm các chi phí: xây dựng, mua máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 350 triệu đồng/mô hình.

b) Mô hình của các cơ sở công nghiệp nông thôn đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến tuyên truyền, nhân rộng để các tổ chức, cá nhân khác học tập, bao gồm các chi phí: hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ; hoàn thiện quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ không quá 70 triệu đồng/mô hình.

3. Chi hỗ trợ xây dựng mô hình thí điểm về áp dụng sản xuất sạch hơn trong công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; bao gồm các chi phí: thay thế

nguyên, nhiên, vật liệu; đổi mới máy móc thiết bị, dây chuyền công nghệ; đào tạo nâng cao năng lực quản lý; đào tạo nâng cao trình độ tay nghề công nhân; tiêu thụ sản phẩm; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình.

4. Chi hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở. Trường hợp chi hỗ trợ dây chuyền công nghệ thì mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

5. Chi hỗ trợ tổ chức hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ trong nước, bao gồm: hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng, chi thông tin tuyên truyền và chi hoạt động của Ban tổ chức hội chợ triển lãm trên cơ sở giá đấu thầu hoặc trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thì theo giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi tham gia hội chợ triển lãm hàng công nghiệp nông thôn, hàng thủ công mỹ nghệ tại các tỉnh, thành trong nước.

a) Đối với tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công: hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng (không quá 02 gian hàng); 100% chi phí trang trí gian hàng chung của tỉnh tham gia hội chợ triển lãm, chi phí vận chuyển tư liệu, hàng hóa trưng bày chung của tỉnh và công tác phí cho cán bộ của đơn vị chủ trì (tối đa không quá 02 người). Mức chi không quá 80 triệu đồng/năm.

b) Đối với các cơ sở công nghiệp nông thôn tham gia hội chợ triển lãm khác trong nước. Hỗ trợ 80% chi phí thuê gian hàng.

7. Chi tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm cho các cơ sở công nghiệp nông thôn tại nước ngoài. Hỗ trợ 100% các khoản chi phí, bao gồm: thuê mặt bằng, thiết kế, dàn dựng gian hàng; trang trí chung gian hàng của tỉnh và các chi phí khác có liên quan.

8. Chi hỗ trợ 100% chi phí vé máy bay cho các cơ sở công nghiệp nông thôn đi tham gia khảo sát, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài. Số người được hỗ trợ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

9. Chi tổ chức bình chọn và trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh:

a) Chi tổ chức bình chọn, trao giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/lần

b) Chi thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được bình chọn bao gồm: Giấy chứng nhận, khung, tiền thưởng. Đạt giải cấp tỉnh không quá 03 triệu đồng/sản phẩm.

10. Chi hỗ trợ xây dựng và đăng ký nhãn hiệu đối với các sản phẩm công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/nhãn hiệu.

11. Chi hỗ trợ thuê tư vấn, trợ giúp các cơ sở công nghiệp nông thôn trong các lĩnh vực: Lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói; ứng dụng công nghệ, thiết bị mới. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 25 triệu đồng/cơ sở.

12. Chi xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh; xuất bản các bản tin ấn phẩm; tờ rơi, tờ gấp, trang thông tin điện tử về khuyến công và các hình thức thông tin đại chúng khác. Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đấu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.

13. Chi hỗ trợ để hình thành cụm liên kết doanh nghiệp công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 120 triệu đồng/ cụm liên kết.

14. Chi hỗ trợ sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở công nghiệp nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

15. Chi hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí, nhưng không quá 350 triệu đồng/cụm công nghiệp.

16. Chi hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; bao gồm: San lấp mặt bằng, đường giao thông nội bộ, hệ thống cấp nước, thoát nước, hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp. Mức hỗ trợ không quá 2.000 triệu đồng/cụm công nghiệp.

17. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo

Chi đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp nông thôn để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động áp dụng theo Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng và Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành danh mục nghề đào tạo và mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng (Bao gồm hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại trong thời gian học nghề cho học viên là thợ giỏi và nghệ nhân tiêu thủ công nghiệp học nâng cao tay nghề để trở thành giáo viên dạy nghề...).

18. Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn và diễn đàn để nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp, năng lực áp dụng sản xuất sạch hơn trong sản xuất công nghiệp cho các cơ sở sản xuất công nghiệp; hỗ trợ đào tạo khởi sự doanh nghiệp và cán bộ khuyến công; chi tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước về công tác khuyến công, khuyến khích phát triển công nghiệp, sản xuất sạch hơn để nâng cao năng lực, trình độ cho cán bộ làm công tác khuyến công; chi tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm, khảo sát, hội chợ triển lãm, hội thảo và diễn đàn tại nước ngoài thực hiện theo hướng dẫn của tỉnh và các quy định hiện hành.

19. Chi quản lý chương trình đề án khuyến công

Đối với tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện đề án khuyến công căn cứ tính chất, mức độ, sự cần thiết của đề án khuyến công đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và căn cứ khả năng cân đối nguồn kinh phí triển khai đề án được chi tối đa 2,0% dự toán đề án khuyến công để thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

20. Chi nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp. Mức chi theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

21. Mức kinh phí ưu tiên hỗ trợ cho các chương trình, đề án, nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP do Sở Công thương thẩm định phê duyệt, đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, áp dụng sản xuất sạch hơn vào các địa bàn và ngành nghề cần ưu tiên nhưng không quá 1,0 lần mức hỗ trợ quy định trên đây.

Chương III

TRÌNH TỰ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ THẨM ĐỊNH, XÉT DUYỆT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Điều 9. Trình tự xây dựng kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương

1. Hàng năm, Sở Công Thương có công văn thông báo đến các UBND, Phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng của thành phố, huyện trên địa bàn và Trung tâm Khuyến công tư vấn Phát triển công nghiệp đề nghị đăng ký kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương cho năm sau gửi về Sở Công Thương (thông qua Phòng Quản lý Công nghiệp) trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Hồ sơ gồm có:

- a) Công văn đăng ký Kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương: 01 bản chính.
- b) Báo cáo kết quả công tác khuyến công năm trước; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch khuyến công năm hiện tại; mục tiêu và định hướng công tác khuyến công năm sau: 01 bản chính.
- c) Bảng tổng hợp chi tiết các đề án đăng ký kế hoạch khuyến công địa phương: 01 bản chính.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2. Sở Công Thương hoàn thành kế hoạch khuyến công địa phương và tổng hợp chung trong kế hoạch dự toán ngân sách nhà nước của Sở Công Thương, gửi Sở Tài chính xem xét, thẩm định theo quy định hiện hành. Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch kinh phí khuyến công địa phương chung vào dự toán ngân sách của tỉnh báo cáo UBND tỉnh quyết định.

Điều 10. Nội dung thẩm định đề án khuyến công

1. Mức độ phù hợp của đề án khuyến công với các nguyên tắc quy định tại Điều 4, Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương quy

định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia và các điều khoản quy định tại Quy định này.

2. Mục tiêu, sự cần thiết và hiệu quả kinh tế - xã hội của đề án khuyến công; tính hợp lý về sử dụng kinh phí, nguồn lực và cơ sở vật chất, kỹ thuật khác.

3. Năng lực của đơn vị thực hiện đề án.

Điều 11. Hỗ trợ đột xuất, điều chỉnh và ngừng triển khai đề án

1. Khi có đề án bổ sung cần hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương thực hiện nhiệm vụ đột xuất được giao, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp phải có văn bản kèm theo hồ sơ quy định gửi Sở Công Thương thẩm định, chủ trì phối hợp với Sở Tài chính trình UBND tỉnh xem xét, phân bổ kinh phí bổ sung để thực hiện.

2. Trường hợp cần điều chỉnh đề án thực hiện trong năm kế hoạch, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp có báo cáo bằng văn bản nêu rõ lý do kèm theo hồ sơ đề án theo quy định tại Điều 9 của Quy định này gửi đến Phòng chuyên môn thuộc Sở Công Thương tiếp nhận, thẩm định theo quy trình và báo cáo Giám đốc Sở Công Thương ra quyết định điều chỉnh đề án trong dự toán kinh phí đã phê duyệt.

3. Đối với các đề án, nhiệm vụ khuyến công có sai phạm trong quá trình tổ chức thực hiện hoặc không đáp ứng được yêu cầu, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp báo cáo Sở Công Thương bằng văn bản để xem xét, quyết định phê duyệt ngừng thực hiện đề án.

Điều 12. Chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí

1. Chấp hành dự toán:

a) Căn cứ theo đơn vị và nội dung quy định tại quyết định phê duyệt dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương cho năm kế hoạch của Giám đốc Sở Công Thương, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn Phát triển công nghiệp tiến hành ký kết hợp đồng thực hiện đề án khuyến công với các đơn vị liên quan và tổ chức thực hiện.

b) Trên cơ sở hợp đồng thực hiện đề án khuyến công, Trung tâm Khuyến Công và Tư vấn phát triển công nghiệp thực hiện rút dự toán tại Kho bạc nhà nước nơi giao dịch theo định hiện hành.

c) Kho bạc nhà nước thực hiện tạm ứng, thanh toán kinh phí cho từng nhiệm vụ theo chế độ hiện hành và các quy định tại Quy định này. Mức tạm ứng cho các đề án, nhiệm vụ khuyến công không quá 70% mức kinh phí được duyệt theo từng nội dung thực hiện tại quyết định phê duyệt dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương cho năm kế hoạch của Giám đốc Sở Công Thương.

2. Công tác hạch toán, quyết toán kinh phí:

a) Đối với các nhiệm vụ khuyến công do Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp trực tiếp sử dụng kinh phí, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp có trách nhiệm hạch toán và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khuyến công theo khoản mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

b) Đối với các nhiệm vụ khuyến công do Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp thực hiện thông qua hình thức ký hợp đồng với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ khi thực hiện thanh lý hợp đồng thực hiện đề án khuyến công địa phương, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp phải hoàn thành các thủ tục thanh quyết toán kinh phí thực hiện đề án tại Kho bạc nhà nước. Chứng từ căn cứ thanh quyết toán đề án khuyến công địa phương gồm:

- Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ kèm theo bản sao quyết định phê duyệt dự toán sử dụng kinh phí khuyến công địa phương của Giám đốc Sở Công Thương.

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành;

- Biên bản thanh lý hợp đồng;

- Bảng kê chứng từ đề nghị quyết toán kèm theo chứng từ chi của từng đề án (vận dụng quy định chứng từ gốc của một số hoạt động khuyến công quốc gia tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 36/2013/TT-BCT ngày 27/12/2013 của Bộ Công Thương Quy định về việc xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý kinh phí khuyến công quốc gia trong quá trình thẩm định).

Điều 13. Công tác hạch toán, quyết toán

1. Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp trực tiếp sử dụng kinh phí khuyến công, có trách nhiệm hạch toán và quyết toán kinh phí thực hiện các đề án, nhiệm vụ khuyến công vào loại, khoản tương ứng với hệ thống mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp sử dụng kinh phí khuyến công phải quyết toán kinh phí năm đã sử dụng với Sở Công Thương. Quyết toán năm của Sở Công Thương gửi Sở Tài chính thẩm định. Trình tự lập, mẫu biểu báo cáo, thời gian nộp và xét duyệt báo cáo quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Công thương:

Cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tại địa phương theo quy định tại Khoản 2, điều 16 Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phổ biến quy chế này trên các phương tiện thông tin đại chúng để các đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh biết và thực hiện.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định dự toán các chương trình, đề án khuyến công trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; phối hợp với Sở

Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị trực thuộc Bộ Công thương triển khai thực hiện các Đề án khuyến công quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, đề án khuyến công tại địa phương. Tổng hợp và quyết toán kinh phí khuyến công trên địa bàn tỉnh.

Tổng hợp báo cáo hoạt động khuyến công tại địa phương theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Công Thương.

2. Sở Tài chính:

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của địa phương dành cho hoạt động khuyến công thẩm định dự toán kinh phí khuyến công hàng năm do Sở Công thương lập, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Căn cứ dự toán kinh phí được phê duyệt hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn kinh phí khuyến công và quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công thương các cơ quan liên quan huy động các nguồn vốn hợp pháp khác, lồng ghép các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác đảm bảo không trùng lặp để thực hiện tốt mục tiêu khuyến công trên địa bàn tỉnh.

4. Kho bạc Nhà nước:

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán các khoản chi cho đề án, nhiệm vụ khuyến công theo quy định tại thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính về chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 39/2016/TT-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 161/2012/TT-BTC.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Đầu mối hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xây dựng đề án khuyến công gửi Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp tổng hợp;

Phòng kinh tế hạ tầng tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công trên địa bàn.

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị thực hiện đề án khuyến công

1. Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp

Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân lập đề án khuyến công; Tiếp nhận, xem xét, tổng hợp hồ sơ đề án đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công của các tổ chức, cá nhân trình Sở Công thương thẩm định.

Tổ chức triển khai thực hiện các đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt; sử dụng nguồn kinh phí khuyến công hàng năm đảm bảo hiệu quả và đúng quy định hiện hành.

Thực hiện quyết toán kinh phí khuyến công với Sở Công Thương và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về đề án khuyến công theo quy định.

Tổng hợp báo cáo theo quý, 6 tháng, tổng kết năm thực hiện đề án khuyến công theo yêu cầu của Sở Công Thương và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

2. Các tổ chức, cá nhân thuộc Điều 2 của quy chế này có nhu cầu hỗ trợ kinh phí khuyến công lập hồ sơ gửi Sở Công thương hoặc Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp.

Tổ chức triển khai thực hiện các đề án khuyến công theo các nội dung đã được phê duyệt, các điều, khoản của hợp đồng đã ký kết; sử dụng kinh phí đúng mục đích theo quy định hiện hành của nhà nước.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương trình, đề án khuyến công trước, trong và sau khi được hỗ trợ kinh phí.

Đảm bảo và chịu trách nhiệm pháp lý của hồ sơ, các thông tin cung cấp cho cơ quan quản lý các cấp trong việc xây dựng đề án, báo cáo kết quả thực hiện đề án và quyết toán kinh phí khuyến công.

Chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ, tài liệu đề án khuyến công theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề chưa phù hợp hoặc có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh về Sở Công thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

Hoàng Xuân Ánh